

Bản án số: **35/2022/DS-ST**
Ngày **28 - 9 - 2022**
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-DS ngày 11/6/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Văn N2, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố T L, thị trấn T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị N A, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: ABC đường N C, tổ dân phố X, khu phố Y, phường T P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Tổ X, ấp L T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Ông Nguyễn Việt N, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: ABC đường N C, tổ dân phố X, khu phố Y, phường T P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị N A, ông Nguyễn Việt N là chủ xưởng cưa N A. Năm 2016, ông bán cây cao su cho ông N, bà N A, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Việc mua bán do cả ông N, bà N A thỏa thuận thực hiện. Ông giao cây cao su cho bị đơn, sau khi tính giá tiền thì cộng ghi sổ. Khi cộng sổ có cả ông N, bà N A biết nhưng chủ yếu do bà N A cộng và ký tên vào sổ. Năm 2016, hai bên chốt sổ phía bị đơn còn nợ ông 1.526.990.000 đồng, từ khi chốt sổ ngày 18/3/2016 đến ngày 28/8/2018, bị đơn thanh toán cho ông được 1.019.090.000

đồng, bị đơn còn nợ lại 507.900.000 đồng. Số nợ này cả ông N, bà N A chốt nhưng chỉ mình bà N A ký chốt sổ. Tại phiên tòa, ông N2 giảm cho bà N A và ông N 107.900.000 đồng, ông N2 yêu cầu bà Trần Thị N A phải thanh toán 400.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Thời gian thanh toán là: Lần 1 vào ngày 30/12/2022 thanh toán 200.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 28/4/2023 thanh toán 200.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị N A trình bày: Bà đồng ý với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tổng hợp những lần mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn. Số tiền 507.900.000 đồng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là nợ chung của bà và ông N. Tuy nhiên giữa bà và ông N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, khi ly hôn đã tự thỏa thuận chia tài sản. Nay bà đồng ý thanh toán nợ cho ông N2 mà không yêu cầu ông N phải cùng trả nợ với bà. Bà đồng ý thanh toán cho ông N2 400.000.000 đồng, không tính lãi suất. Thời gian thanh toán là: Lần 1 vào ngày 30/12/2022 thanh toán 200.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 28/4/2023 thanh toán 200.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Việt N trình bày: Ông N đồng ý với số tiền 507.900.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu là nợ chung vợ chồng của ông và bà N A trong thời kỳ hôn nhân. Ông sẽ có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông N2. Tuy nhiên, hiện hoàn cảnh khó khăn nên sẽ thanh toán hàng tháng cho ông N2 tùy vào khả năng của ông N. Đối với yêu cầu lãi suất tính từ ngày 01/4/2021 của nguyên đơn thì ông N không đồng ý. Do nguồn gốc là hợp đồng mua bán, hiện hoàn cảnh của ông khó khăn nên xin nguyên đơn không tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Vũ Văn N2, bị đơn bà Trần Thị N A thống nhất số tiền và thời gian thanh toán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N A phải thanh toán cho ông N2 số tiền 400.000.000 đồng, không tính lãi suất. Thời gian thanh toán là: Lần 1 vào ngày 30/12/2022 thanh toán 200.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 28/4/2023 thanh toán 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự về nội dung vụ án; quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ từ hợp đồng mua bán. Hợp đồng mua bán được thực hiện tại xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo yêu cầu giải quyết. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Việt N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn, bị đơn có thực hiện hợp đồng mua bán. Năm 2016, nguyên đơn có bán cây cao su cho bị đơn, hai bên không lập hợp đồng văn bản, chỉ thỏa thuận miệng việc mua bán, số lượng được hai bên cân xác định ghi sổ, thanh toán tiền mặt, số nợ còn lại của hợp đồng mua bán giữa bị đơn ông N và bà N A với nguyên đơn là 507.900.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn gảm một phần nợ cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn bà N A thanh toán 400.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Thời gian thanh toán là: Lần 1 vào ngày 30/12/2022 thanh toán 200.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 28/4/2023 thanh toán 200.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị N A đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, bà N A không tranh chấp nợ chung với ông N. Như vậy, sự thừa nhận của các đương sự là những tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm nguyên đơn, bị đơn thực hiện hợp đồng mua bán thì ông Nguyễn Việt N và bà Trần Thị N A là vợ chồng. Các bên cùng thỏa thuận miệng nội dung hợp đồng mua bán. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N2 và bị đơn bà N A thống nhất được tổng số nợ và thời gian thanh toán. Sự thỏa thuận của nguyên đơn ông N2 và bị đơn bà N A là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn N2 đối với bị đơn bà Trần Thị N A theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[5] Xét ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn N2 đối với bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Trần Thị N A về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bị đơn bà Trần Thị N A phải thanh toán cho nguyên đơn ông Vũ Văn N2 số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Thời gian thanh toán là: Lần 1 vào ngày 30/12/2022 thanh toán 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lần 2 vào ngày 28/4/2023 thanh toán 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị N A phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Vũ Văn N2 số tiền 12.158.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044144 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị N A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Việt N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mùi